

Số: **23** /2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **01** tháng **10** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng
kinh phí khuyến công tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính - Công Thương về việc hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Hà Nam;
- Lưu VT, CT.



Phạm Sỹ Lợi



QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2015/QĐ-UBND
ngày **01** / **10**/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
2. Thúc đẩy phát triển nghề truyền thống, du nhập nghề mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp nông thôn của tỉnh.
3. Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập; thực hiện phân công lại lao động trong nông thôn và góp phần đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.
4. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đối với chương trình, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh.
2. Đối tượng được áp dụng
 - a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);
 - b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn áp dụng sản xuất sạch;
 - c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công địa phương chỉ cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa trong tỉnh phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

2. Việc xét chọn các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương hàng năm thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Nguồn kinh phí khuyến công

Kinh phí khuyến công được hình thành từ các nguồn sau:

1. Ngân sách cấp hàng năm đối với hoạt động khuyến công tỉnh do ngân sách tỉnh cấp; hoạt động khuyến công cấp huyện do ngân sách cấp huyện cấp; hoạt động khuyến công cấp xã do ngân sách cấp xã chi trả.

3. Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

Tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây được hưởng chính sách khuyến công:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

2. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

3. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

4. Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

5. Áp dụng sản xuất sạch trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 6. Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 2 Điều 2 và ngành nghề quy định tại Điều 5 Quy định này phải đáp ứng các điều kiện sau để được hưởng chính sách khuyến công địa phương:

1. Có đề án khuyến công được lập theo quy định. Nội dung đề án phù hợp với chương trình khuyến công.

2. Nhiệm vụ, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thụ hưởng kinh phí khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chi đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng tay nghề cho người lao động.

2. Chi hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp; chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; chi hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch.

4. Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; chi tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; chi hỗ trợ, đăng ký thương hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn.

5. Chi hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư vào cụm công nghiệp.

a) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; chi hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp;

b) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chi tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các cụm công nghiệp;

d) Chi hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

6. Chi hợp tác quốc tế về khuyến công:

a) Chi xây dựng các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch;

b) Chi trao đổi, học tập kinh nghiệm về đề án khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo và diễn đàn;

c) Chi nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

7. Chi nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công.

a) Chi xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

b) Chi tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; chi xây dựng hội thảo chuyên đề, hội thảo đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch;

c) Chi kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án và nghiệm thu hoạt động khuyến công.



Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

Mức chi hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định hiện hành và kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm.

Mức chi: Thực hiện theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT của Liên Bộ Tài chính - Công Thương và các quy định hiện hành liên quan khác của Nhà nước.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn khuyến công được phân bổ, Sở Công Thương lập dự toán chi tiết trình cấp thẩm quyền phê duyệt với mức chi cụ thể cho từng nội dung không vượt quá mức quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT nêu trên.

Điều 9. Xây dựng, thẩm định, xét duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu đề án khuyến công

Việc xây dựng, thẩm định, xét duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu đề án khuyến công được áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7, Điều 8 Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế phối hợp quản lý công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 10. Nội dung đề án khuyến công

Đề án khuyến công phải bao gồm các nội dung chính sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nhiệm vụ, giải pháp và tiến độ: Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện để đạt mục tiêu; tiến độ thực hiện đề án.
6. Kinh phí thực hiện đề án (Dự toán chi tiết các khoản chi).
7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.
8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.
9. Những kiến nghị, đề xuất.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quản lý kinh phí khuyến công

1. Sở Công Thương

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công, gồm:

- a) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Lập dự toán kinh phí thực hiện công tác khuyến công phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương. Kinh phí khuyến công do ngân sách cấp nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được để lại để sử dụng trong năm tiếp theo;

c) Lập dự toán chi tiết phân bổ theo đơn vị và nội dung gửi Sở Tài chính thẩm định làm căn cứ giao dự toán cho các đơn vị thực hiện;

d) Ban hành quyết định hướng chính sách; theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đơn vị thực hiện đề án khuyến công;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành;

e) Là đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của địa phương;

g) Chỉ đạo, kiểm tra Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện các hoạt động theo chương trình, kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh;
- Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; tiếp nhận, tổng hợp xây dựng đề án trình Sở Công Thương phê duyệt;
- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh;
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện các đề án khuyến công với Sở Công Thương; thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án;
- Quan hệ, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công.
- Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện công tác khuyến công do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thẩm định dự toán chi tiết theo nội dung và đơn vị thực hiện kế hoạch khuyến công của Sở Công Thương;

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện đề án khuyến công;

d) Thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm của Sở Công Thương.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công của huyện, thành phố và triển khai thực hiện;

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn các đơn vị xây dựng đề án khuyến công; xem xét lựa chọn, lập danh sách các Đề án và tổng hợp Dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch khuyến công và triển khai thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân được thụ hưởng từ nguồn kinh phí khuyến công

a) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ; phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại báo cáo kết quả sau khi thực hiện đề án. Trong trường hợp không thể thực hiện được đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án;

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tỉnh. Trường hợp sử dụng sai mục đích, làm thất thoát kinh phí, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi